TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 18/02/2020
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Bùi Tuấn Khanh.

2/ Ông Đặng Hoàng Mích.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2019/TLST–DS, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-DS ngày 30 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1977.(có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

***** Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2019 và những lời khai tiếp theo, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:*

Vào năm 2017, chị Nguyễn Thị Mộng T có làm chủ dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, gồm 29 hụi viên và bà C có tham gia 01 phần. Hụi khui được đến ngày 10/6/2017 Âm lịch thì bà C hốt hụi với số tiền là 19.440.000 đồng. Sau đó bà C đóng hụi chết được 15 lần với số tiền 15.000.000 đồng đến ngày

10/8/2018 ÂL thì ngưng không đóng hụi nữa. Hụi đã mãn vào ngày 10/8/2019 ÂL và bà C còn thiếu tiền hụi là 11.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả số tiền 11.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữa yêu cầu khởi kiện: yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả số tiền 11.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Chị cũng đồng ý nội dung hòa giải ở xã là bà C có thể hàng tháng trả dần cho chị là 500.000đ.

** Theo biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Đ, Bản tự khai, Biên bản hòa giải của Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà thừa nhận còn nợ chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền hụi là 11.000.000 đồng và khi hòa giải cơ sở tại Ủy ban nhân dân xã Đ bà có hứa xin trả dần hàng tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Nhưng chị T không đồng ý mà nộp đơn khởi kiện đến Tòa án làm ảnh hưởng đến uy tín của bà nên bà yêu cầu chị T phải xin lỗi, bà sẽ trả dần hàng tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hụi giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Bị đơn bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà C là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị T yêu cầu bà C trả số tiền hụi còn thiếu là 11.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chơi hụi giữa chị Nguyễn Thị Mộng T và bà Nguyễn Thị C được thừa nhận và thiết lập trên tinh thần tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án giữa chị T và bà C đã thống nhất số tiền nợ hụi là 11.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà C đã thực hiện hết quyền nhận tài sản là được lĩnh hụi, tuy nhiên bà C không đóng hụi chết cho chị T khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên theo quy định tại Điều 16 Nghị định 19 của Chính phủ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị

T là có cơ sở nên chấp nhận. Buộc bà C có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền hụi chết là 11.000.000đ.

[2] Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Mộng T không yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả lãi số tiền hụi trên. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu ông Trần Văn S (chồng bà C) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên.

[3] Chị T có ý kiến đồng ý để bà C trả dần hàng tháng là 500.000đ. Bà C chỉ đồng ý mỗi tháng trả cho chị T là 300.000đ. Xét thấy, việc trả số tiền trên như thế nào, một hay nhiều lần là ở giai đoạn thi hành án, không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị C được miễn án phí do thuộc diện hộ cận nghèo. Chị Nguyễn Thị Mộng T được hoàn lại số tiền án phí đã đóng là 300.000đ theo biên lai thu số 0007916 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ- CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định Về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng T về việc tranh chấp hụi đối với bà Nguyễn Thị C.

2. Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền hụi là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị C được miễn án phí.

Chị Nguyễn Thị Mộng T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0007916 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà C vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Tuyền được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Chi vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tuấn Khanh Đặng Hoàng Mích Trần Nguyễn Trọng Hiếu